

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN HÒN ĐẤT
T. KIÊN GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án: 69/2018/DSST

Ngày 25/9/2018

Về việc: “*Tranh chấp dân sự về vay tài sản*”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN HÒN ĐẤT

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Cúc

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Trần Huy Liệu

2. Bà Phạm H Gái

- Thư ký phiên tòa: Bà **Nguyễn Thị Thành Minh** – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Hòn Đất.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Hòn Đất, tỉnh Kiên Giang: không tham gia phiên tòa.

Ngày 25 tháng 9 năm 2018 tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Hòn Đất xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 87/2018/TLST-DS ngày 08 tháng 5 năm 2018 về: “Tranh chấp về hợp đồng vay tài sản” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 101/2018/QĐXXST-DS ngày 08 tháng 8 năm 2018 giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Chị **Bùi Thị Hà M**, sinh năm 1990 (có mặt)

Địa chỉ: Ấp H, xã T, huyện H, tỉnh Kiên Giang.

2. *Bị đơn:* Ông **Thái Thanh H** (vắng mặt)

Bà **Nguyễn Thị T**, sinh năm 1976 (vắng mặt)

Địa chỉ: Ấp K, xã S, huyện H, tỉnh Kiên Giang.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

*** Theo đơn khởi kiện và các lời khai tại Tòa, nguyên đơn chị Bùi Thị Hà M trình bày:**

Vào ngày 16/01/2018, bà Nguyễn Thị T có đến nhà tôi hỏi vay số tiền 60.000.000 đồng. Hai bên có làm giấy nhận nợ, bà T ký tên và viết rõ trong giấy là hẹn đến tháng

giêng âm lịch (tức tháng 3/2018) sẽ trả lại tiền cho tôi. Bà T nói vay tiền để đặt cọc mua lúa vì bà T làm nghề cò lúa. Khi vay hai bên có thỏa thuận lãi 5% nhưng bà T không có trả cho tôi được tháng lãi nào. Đến nay đã quá thời hạn theo cam kết mà bà T không trả tiền cho tôi.

Nay tôi khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết buộc bà Nguyễn Thị T và cH là ông Thái Thanh H phải có trách nhiệm liên đới trả cho tôi số tiền gốc đã vay là 60.000.000 đồng (Sáu mươi triệu đồng), do bà T làm ăn thất bại nên tôi không yêu cầu tính lãi.

*** Bị đơn bà Nguyễn Thị T và ông Thái Thanh H:**

Mặc dù bà T và ông H đã nhận được Thông báo thụ lý vụ án và tất cả các văn bản tố tụng của Tòa án nhưng bà T, ông H vẫn cố tình trốn tránh, không có mặt theo Giấy triệu tập của Tòa án và không có văn bản thể hiện ý kiến của mình về nội dung đơn khởi kiện của chị Hà M nên không có lời khai của bà T, ông H tại Tòa án.

Tại phiên tòa, nguyên đơn chị Bùi Thị Hà M vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện của mình.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

1. Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết vụ án: Xét đơn khởi kiện và yêu cầu của nguyên đơn, cũng như các tài liệu có trong hồ sơ, có cơ sở xác định đây là vụ án “Tranh chấp hợp đồng dân sự về vay tài sản” quy định tại Khoản 3 Điều 26 Bộ luật tố tụng dân sự. Vụ án thuộc thẩm quyền xét xử theo thủ tục sơ thẩm của Tòa án nhân dân huyện Hòa Đất theo quy định tại Điểm a Khoản 1 Điều 35; Điểm a Khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự.

2. Về thủ tục tố tụng: Quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa hôm nay bị đơn bà Nguyễn Thị T và ông Thái Thanh H đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng nhưng vẫn vắng mặt không có lý do. Căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227 và khoản 3 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án vẫn tiến hành xét xử vụ án vắng mặt bà T và ông H.

3. Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn:

Căn cứ vào các chứng cứ, tài liệu có trong hồ sơ vụ án và qua diễn biến tại phiên tòa hôm nay, Hội đồng xét xử (HĐXX) có cơ sở xác định rằng: Vào ngày 16/01/2018, bà Nguyễn Thị T có đến nhà chị Bùi Thị Hà M hỏi vay số tiền 60.000.000 đồng. Chị Hà M có cung cấp được Giấy nhận nợ có chữ ký và chữ viết của bà Nguyễn Thị T. Theo nội dung của Giấy nhận nợ, bà T có hứa đến tháng giêng năm 2018 âm lịch sẽ trả đủ cho chị Hà M số tiền 60.000.000 đồng nhưng đến nay đã quá thời hạn như cam kết

mà bà T không thực hiện việc trả nợ của mình. Như vậy, bà T đã vi phạm nghĩa vụ trả nợ theo quy định tại khoản 1 Điều 466 Bộ luật dân sự 2015.

Khoản 1 Điều 466 Bộ luật dân sự 2015 quy định như sau: “Bên vay tài sản là tiền thì phải trả đủ tiền khi đến hạn...”

Bà Nguyễn Thị T là bị đơn trong vụ kiện đã nhận được Thông báo thụ lý và các văn bản tố tụng của Tòa án nhưng cố tình trốn tránh, không có mặt và không có văn bản nêu ý kiến phản bác của mình về nội dung khởi kiện của chị Hà M. Phía ông Thái Thanh H (là CH bà T) cũng biết việc chị M khởi kiện yêu cầu ông phải có trách nhiệm liên đới trả nợ cho chị Hà M nhưng ông H cũng không có mặt theo các lần triệu tập của Tòa án và không có ý kiến phản bác gì nên mặc nhiên thừa nhận việc thiếu nợ này. Tại khoản 1 Điều 27 Luật HNGĐ năm 2014 quy định “vợ, CH chịu trách nhiệm liên đới đối với giao dịch do một bên thực hiện...”

Từ những phân tích trên, sau khi thảo luận nghị án HĐXX chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của chị Bùi Thị Hà M, buộc vợ CH ông H, bà T phải có trách nhiệm liên đới trả cho chị M số tiền 60.000.000 đồng.

Về án phí: Ông H và bà T phải chịu án phí DSST theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ vào Khoản 3 Điều 26; Điểm a Khoản 1 Điều 35; Điểm a Khoản 1 Điều 39 và các Điều 266, 271, 273 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

- Áp dụng Điều 463, Điều 466 Bộ luật Dân sự 2015; Điều 27 Luật HNGĐ năm 2014.

- Áp dụng Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1/ Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn chị Bùi Thị Hà M đối với ông Thái Thanh H và bà Nguyễn Thị T.

Buộc ông Thái Thanh H và bà Nguyễn Thị T phải có trách nhiệm liên đới trả số tiền vay cho chị Bùi Thị Hà M là **60.000.000 đồng** (Sáu mươi triệu đồng).

Kể từ ngày người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án cho đến khi thi hành án xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng người phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015.

2/ Về án phí DSST:

- Ông H, bà T phải chịu án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch là 3.000.000 đồng (Ba triệu đồng).

- Chị Bùi Thị Hà M được nhận lại tiền tạm ứng án phí đã nộp là 1.500.000 đồng (Một triệu, năm trăm ngàn đồng) theo biên lai thu số 0003444 ngày 04/5/2018 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Hòn Đất.

Án xử công khai, báo cho các đương sự biết có quyền kháng cáo, Viện kiểm sát nhân dân cùng cấp có quyền kháng nghị trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Riêng ông Thái Thanh H và bà Nguyễn Thị T được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết công khai.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự./.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm Phán – Chủ Tòa Phiên Tòa

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Kiên Giang;
- VKS cùng cấp;
- Đương sự;
- Lưu.

Nguyễn Thị Cúc